TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-PT
Ngày: 15/3/2019
V/v tranh chấp dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp dân sự về hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1968

Địa chỉ: xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1972

Địa chỉ: phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1994

Địa chỉ: phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị U là bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày*:

Bà Phạm Thị U có tham gia 02 dây hụi do bà D làm chủ, hình thức hụi huê hồng, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng/phần, khui ngày 30-3-2016 (âm lịch), mỗi tháng khui một lần, có 20 phần hụi, bà U tham gia một phần, có danh sách hụi viên. Vào lần khui hụi thứ 12 (30/02/2017 âm lịch), bà U bỏ tiền hụi 2.000.000 đồng và hốt hụi số tiền 171.000.000 đồng, nhưng do trước đó, bà D có cho bà U mượn trước 100.000.000 đồng nên sau khi trừ tiền mượn, bà D chỉ giao cho bà U số tiền thực tế là 71.000.000 đồng, do anh V con bà U nhận thay, việc giao nhận tiền có làm biên nhận. Sau khi hốt hụi, bà U không đóng hụi chết cho bà D. Số tiền hụi bà U còn thiếu bà D là 8 kỳ x 10.000.000 đồng = 80.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 01-10-2017 (âm lịch) (do năm 2017 không có ngày 30-9-2017 (âm lịch).

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng/phần, khui ngày 10-02-2017 (âm lịch), mỗi tháng khui một lần, có 19 phần hụi, bà U tham gia hai phần, với tên là U S. Bà D không giao danh sách hụi viên cho bà U biết. Vào lần khui hụi thứ 4 (10/5/2017 âm lịch), bà U bỏ tiền hụi 1.700.000 đồng dự định hốt 01 phần hụi. Tuy nhiên, do bà U không đóng hụi cho bà D đối với dây hụi ngày 30-3-2016 (âm lịch) 02 kỳ là 20.000.000 đồng và bà D nghe thông tin bà U chơi hụi nhiều người nhưng không đóng, bà D sợ bà U không có khả năng đóng hụi nên bà D không đồng ý cho bà U hốt hụi. Do đó, bà U ngưng không đóng hụi chết (hụi ngày 30-3-2016 (âm lịch) và không tiếp tục tham gia hụi 10-02-2017 (âm lịch).

Đối với dây hụi ngày 10-02-2017 (âm lịch), bà U đóng hụi 03 lần như sau: lần khui thứ nhất: số tiền bỏ hụi là 2.200.000 đồng, bà U đóng hụi 2.800.000 x 2 phần = 5.600.000 đồng; lần thứ hai: số tiền bỏ hụi là 2.000.000 đồng, bà U đóng hụi 3.000.000 đồng x 2 phần = 6.000.000 đồng; lần thứ ba: số tiền bỏ hụi là 1.700.000 đồng, bà U đóng hụi 3.300.000 đồng x 2 phần = 6.600.000 đồng. Tổng cộng 18.200.000 đồng.

Bà D yêu cầu bà U liên đới cùng Nguyễn Văn V trả tiền hụi còn thiếu của dây hụi 30-3-2016 (âm lịch) là 80.000.000 đồng nhưng cấn trừ tiền hụi của dây hụi ngày 10-02-2017 (âm lịch) bà U đã đóng là 18.200.000 đồng, còn 61.800.000 đồng, bà D tự nguyện bớt 800.000 đồng, còn 61.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày mãn hụi của dây hụi 30-3-2016 (âm lịch) là ngày 01-10-2017 (âm lịch), nhằm ngày 18-11-2017 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Phạm Thị U trình bày*:

Bà U thống nhất với trình bày của bà D về việc bà U có tham gia 02 dây hụi ngày 30-3-2016 (âm lịch) và 10-02-2017 (âm lịch) do bà D làm chủ hụi.

Đối với dây hụi ngày 30-3-2016 (âm lịch), bà U thống nhất số tiền hốt hụi 171.000.000 đồng, thống nhất việc bà D giao tiền hụi cho con bà U

là Nguyễn Văn V nhận thay là 71.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền 100.000.000 đồng bà D cho bà U mượn trước đó.

Bà U không thống nhất lời trình bày của bà D về việc bà U không đóng tiền hụi chết. Bà U trình bày, sau khi hốt hụi, bà U có đóng tiền hụi chết cho bà D 04 lần, việc đóng hụi không làm biên nhận, không ai biết. Do đó, đối với dây hụi ngày 30-3-2016 (âm lịch), bà U chỉ còn thiếu tiền hụi bà D 04 kỳ là 4 x 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng .

Đối với dây hụi ngày 10-02-2017 (âm lịch) bà U có đóng hụi sống 04 lần như sau: Lần khui thứ nhất (10-02-2017 âm lịch) đóng 3.800.000 đồng x 2 phần = 7.600.000 đồng, lần khui thứ hai (10-3-2017 âm lịch) đóng 3.800.000 đồng x 2 phần = 7.600.000 đồng, lần khui thứ ba (10-4-2017 âm lịch) đóng 3.750.000 đồng x 2 = 7.500.000 đồng, lần khui thứ tư (10-5-2017 âm lịch) đóng 3.800.000 đồng x 02 phần = 7.600.000 đồng. Tổng số tiền bà U đã đóng hụi là 30.300.000 đồng. Việc đóng hụi dựa trên uy tín, không làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Đến lần khui hụi thứ năm (10-6-2017 âm lịch), bà U bỏ hụi 1.200.000 đồng dự định hốt một phần. Tuy nhiên, bà D không giao tiền hụi cho bà U mà nói sẽ cấn trừ 01 lần tiền hụi chết của dây hụi 30-3-2016 (âm lịch) 40.000.000 đồng, sau đó chỉ giao tiền hụi cho bà U khoảng 20.000.000 đồng, bà U không đồng ý, nên ngưng không tiếp tục tham gia hụi, không đóng hụi cho bà D.

Bà U xác định: Số tiền hụi của dây hụi ngày 30-3-2016 âm lịch bà U chỉ còn thiếu bà D 04 kỳ là 40.000.000 đồng, trừ số tiền hụi của dây hụi ngày 10-02-2017 âm lịch bà U đã đóng là 30.300.000 đồng, thì bà U chỉ còn thiếu bà D là 9.700.000 đồng. Do đó, bà U không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bà U liên đới với Nguyễn Văn V trả tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Bà U chỉ đồng ý trả cho bà D tiền hụi còn thiếu 9.700.000 đồng. Đối với Nguyễn Văn V là con bà U chỉ là người nhận tiền hụi dùm nên không đồng ý việc bà D yêu cầu V liên đới trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V trình bày*:

Anh V không có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ. Anh V có nhận tiền hụi dùm cho mẹ là bà U và có ký tên vào biên nhận (hợp đồng hụi), sau đó giao tiền cho bà U. Do đó, anh V không đồng ý theo yêu cầu của bà D, không đồng ý liên đới cùng bà U trả tiền hụi cho bà D là 61.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả như bà D yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V liên đới trả tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.624.200 đồng, tổng cộng 65.624.200 đồng.

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn V liên đới cùng chị Phạm Thị U trả tiền hụi cho chị D.

Buộc chị Phạm Thị U trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.624.200 đồng, tổng cộng 65.624.200 đồng *(Sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng.)*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp ngày 13-12-2017 theo biên lai số 01301 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S là 2.000.000 đồng, sau khi trừ án phí phải nộp, chị D được nhận lại 1.700.000 đồng.

Chị Phạm Thị U phải chịu 3.281.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sơ thẩm.

Ngày 13/9/2018, bà Phạm Thị U kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, bà U chỉ có nghĩa vụ trả cho bà D 9.700.000 đồng tiền nợ hụi.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bà Phạm Thị U trả cho bà D số tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.624.200 đồng, tổng cộng 65.624.200 đồng.

+ Bị đơn bà Phạm Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà U cho rằng đối với dây hụi 10 triệu đồng (mở ngày 30/3/2016 âm lịch) bà đã đóng hụi chết cho bà D 4 lần với số tiền là 40.000.000 đồng, chỉ còn nợ 04 lần hụi chết là 40.000.000 đồng. Đối với dây thứ 2 hụi 5 triệu đồng mở ngày 10/02/2017 âm lịch, bà tham gia với bà D 02 phần hụi và đã đóng cho bà D được 4 lần với số tiền là 30.300.000 đồng. Như vậy trừ vào tiền hụi chết sau khi cấn trừ thì bà chỉ còn nợ bà D số tiền là 9.700.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 9.700.000 đồng.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội D: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà U không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh việc đã đóng hụi chết 40 triệu đồng của dây hụi ngày 30/3/2016 âm lịch và đóng được 4 lần hụi sống của dây hụi ngày 10/02/2017 âm lịch cho bà D, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà U. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà U là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, bà U thừa nhận, đối với dây hụi mở ngày 30/3/2016 âm lịch (gọi tắt là dây 1), sau khi bà hốt hụi xong thì còn phải đóng cho bà D 08 lần tiền hụi chết với số tiền là 80.000.000 đồng, bà U cho rằng đã đóng được 4 lần với số tiền 40.000.000 đồng, nhưng bà U không xuất trình được giấy tờ, người làm chứng hay chứng cứ nào khác để chứng minh đã đóng hụi cho bà D 40 triệu đồng, đối với bà D cũng không thừa nhận việc này.

Đối với dây hụi ngày 10-02-2017 âm lịch (gọi tắt là dây 2), bà D và bà U thừa nhận bà U có tham gia 02 phần hụi, tuy nhiên, bà D cho rằng bà U chỉ đóng 03 lần x 2 phần là 18.200.000 đồng, có người làm chứng và sổ theo dõi việc đóng hụi. Bà U cho rằng đã đóng hụi sống 04 lần x 02 phần tổng số tiền 30.300.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của bà U không có căn cứ để chấp nhận. Vì qua xem xét chứng cứ, tài liệu là Sổ theo dõi việc hốt hụi, Sổ giao hụi do bà D cung cấp, lời khai của những người làm chứng là bà H, bà N và anh C là những người tham gia dây hụi 5.000.000 đồng ngày 10/02/2017 âm lịch (bà H hốt hụi lần thứ nhất, bà N hốt hụi lần thứ hai và anh C hốt hụi lần thứ 3), anh Nguyễn Trung H, xác định: Phạm Thị U (tên trong sổ hụi là U S) có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi ngày 10-02-2017 (âm lịch), tuy nhiên đến lần khui hụi thứ 4, do bà D cho rằng bà U còn thiếu tiền hụi chết của dây hụi 10.000.000 đồng nên khi bà U bỏ hụi hốt thì bà D không cho bà U hốt hụi, nên hai bên có tranh chấp và bà U không tiếp tục tham gia. Do đó, anh H đã tham gia tiếp 02 phần hụi của bà U (trong đó anh H tham gia dùm bà Nguyễn Thị U 01 phần). Lần khui hụi thứ 4, anh H để cho bà Nguyễn Thị U hốt 01 phần hụi, lần khui hụi thứ 5, anh H hốt phần hụi còn lại của bà Phạm Thị U. Đối với các phần hụi sống bà Phạm Thị U đã đóng trước đó, anh H đã trả lại cho bà D đầy đủ.

[2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà U, giữ nguyên bản án sơ thẩm do bà U không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của bà. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bản án sơ thẩm không tuyên phần lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án là không đúng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy cấp phúc thẩm tuyên bổ sung phần này.

Xét thấy, bản án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà U trả tiền hụi cho bà D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu của bà U không được chấp nhận nên bà U phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị U.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Phạm Thị U trả tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.624.200 đồng, tổng cộng 65.624.200 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn V liên đới cùng bà Phạm Thị U trả tiền hụi cho bà D.

3. Buộc bà Phạm Thị U trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền hụi còn thiếu là 61.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.624.200 đồng, tổng cộng 65.624.200 đồng *(Sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 01301 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, bà D được nhận lại số tiền 1.700.000 đồng.

Bà Phạm Thị U phải chịu 3.281.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004859 ngày 21/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bà U không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi Cục THA DS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh